

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2021
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thế Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hạnh.
2. Ông Đoàn Văn Lược.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Chu Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị V, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 6, ấp M, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc C, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp M, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 6 năm 2021, biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 7 năm 2021, bà Trần Thị V trình bày:

Bà Trần Thị V và ông Trần Ngọc C tự nguyện tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên đồng ý, sống chung với nhau và đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 11 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T (Nay là huyện B), tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn, thời gian đầu giữa bà Trần Thị V và ông Trần Ngọc C chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không tôn trọng lẫn nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên bà Trần Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Ngọc C.

Về con chung: Bà Trần Thị V và ông Trần Ngọc C có 02 người con chung tên Trần Tuấn K, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2007 và Trần Bảo A, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2019. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà V yêu cầu Tòa án giao cho bà được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và yêu cầu ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 4.000.000 đồng/tháng/02 con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16 tháng 7 năm 2021, ông Trần Ngọc C trình bày:

Ông Trần Ngọc C thống nhất với phần trình bày của bà Trần Thị V về thời gian tìm hiểu và thời gian chung sống. Sau khi kết hôn, ông C và bà V chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Hiện tại, ông C không còn sống chung với bà V. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà V thì ông C không đồng ý.

Về con chung: Ông Trần Ngọc C thống nhất giữa ông và bà V có 02 người con chung tên Trần Tuấn K, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2007 và Trần Bảo A, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2019. Do không đồng ý ly hôn nên ông C không có ý kiến đối với việc nuôi con chung và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của bà V.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Ngọc C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự chấp hành đúng quy định của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị V là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà Trần Thị V có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Trần Ngọc C. Ông Trần Ngọc C là bị đơn đang cư trú tại ấp M, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bà Trần Thị V và ông Trần Ngọc C cùng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị V và ông Trần Ngọc C tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý và có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 11 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T (Nay là huyện B), tỉnh Bình Dương, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Sau khi kết hôn, thời gian đầu bà V và ông C chung sống với nhau hạnh phúc. Khoảng năm 2020, giữa bà V và ông C phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai người cũng không có biện pháp hàn gắn lại tình cảm. Hiện tại, bà V không còn sống chung với ông C và bà V xác định không còn tình cảm với ông C nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn nhưng ông C không đồng ý. Tại biên bản xác minh ngày 16/7/2021 thể hiện, giữa bà V và ông C phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hai người không có biện pháp để hàn gắn lại tình cảm. Xét quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Bà V và ông C không tìm ra được tiếng nói chung, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà V yêu cầu ly hôn với ông C là có cơ sở, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Bà Trần Thị V và ông Trần Ngọc C có 02 người con chung tên Trần Tuấn K, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2007 và Trần Bảo A, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2019. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà V yêu cầu Tòa án giao cho bà được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung. Xét các con chung còn nhỏ và đang sinh sống cùng với bà V nên yêu cầu của bà V là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà V yêu cầu ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền 4.000.000 đồng/tháng/02 con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi nhưng ông C không đồng ý. Theo quy định tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: *“Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vì phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con”*. Do đó, bà V yêu cầu ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị V và ông Trần Ngọc C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị V là có căn cứ.

[9] Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị V phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Trần Ngọc C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị V đối với ông Trần Ngọc C về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị V được ly hôn với ông Trần Ngọc C.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Tuấn K, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2007 và Trần Bảo A, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2019 cho bà Trần Thị V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trần Ngọc C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 4.000.000 đồng/tháng/02 con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Bà Trần Thị V và ông Trần Ngọc C đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị V và ông Trần Ngọc C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị V phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0054801 ngày 12/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Ông Trần Ngọc C phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND xã Bình Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Hồ Thế Chính**